

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Shape the future
with confidence



Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA QUỐC
TẾ LOF
Email: suaquocte@lof.vn
Ký ngày: 10/03/2026 20:44:07

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 38

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0500463609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 24 tháng 11 năm 2014, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN") theo Quyết định số 773/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua Trụ sở chính đăng ký tại Lô số C-13A-CN, Đường N16, Khu công nghiệp Bàu Bàng Mở rộng, Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ("Trụ sở chính") và ba (3) chi nhánh tại Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; Xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội và Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tô Hải	Chủ tịch	
Ông Bùi Hoàng Sang	Phó Chủ tịch	bỏ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2025
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	
Ông Đoàn Hữu Nguyên	Thành viên	
Bà Trần Thu Trang	Thành viên	
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên	từ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Ngọc Triều Dương	Trưởng ban
Bà Tôn Minh Phương	Thành viên
Bà Mai Thị Thanh Trang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hữu Nguyên	Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2025
Ông Bùi Hoàng Sang	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2025
Bà Chu Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Tô Hải	
Ông Đoàn Hữu Nguyên	từ ngày 21 tháng 8 năm 2025
Ông Bùi Hoàng Sang	đến ngày 20 tháng 8 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 9 tháng 3 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11432708/E-68566904

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

10/01/2026
S II
10/1



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Thị Nữ
Giám đốc Cấp cao
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3796-2026-004-1

Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3076-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.605.823.360.790	3.844.042.642.508
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	64.510.314.582	262.018.642.456
111	1. Tiền		54.510.314.582	223.114.489.031
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	38.904.153.425
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.594.186.895.717	1.581.800.913.954
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.594.186.895.717	1.581.800.913.954
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.190.737.682.004	1.180.476.018.476
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	143.142.770.128	157.783.034.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	525.104.601.074	99.102.637.373
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	340.000.000.000	850.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	183.318.560.802	74.418.596.539
137	5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.1	(828.250.000)	(828.250.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	522.361.426.595	641.616.525.808
141	1. Hàng tồn kho		571.854.018.916	644.111.182.895
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(49.492.592.321)	(2.494.657.087)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		234.027.041.892	178.130.541.814
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.250.190.346	5.383.074.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	226.559.191.157	169.062.613.543
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.217.660.389	3.684.854.133

18C
G T
HH
& Y
' N
HC

10/1
20/1
30/1
40/1
50/1
60/1
70/1
80/1
90/1
100/1

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

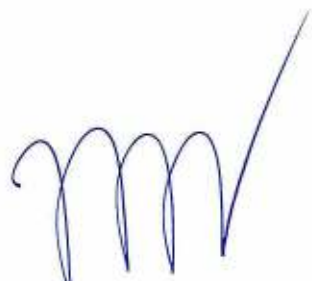
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.070.094.217.355	3.368.025.466.011
210	I. Phải thu dài hạn		4.278.398.655	8.850.858.041
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.278.398.655	8.850.858.041
220	II. Tài sản cố định		2.277.005.321.238	852.964.189.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.275.612.055.645	850.060.754.439
222	Nguyên giá		3.357.537.736.149	1.905.965.512.480
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.081.925.680.504)	(1.055.904.758.041)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.393.265.593	2.903.435.193
228	Nguyên giá		22.637.498.145	22.517.498.145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.244.232.552)	(19.614.062.952)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		79.817.685.814	1.346.927.928.712
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	79.817.685.814	1.346.927.928.712
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5	1.345.507.430.000	806.875.550.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.145.507.430.000	606.875.550.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000.000	200.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		363.485.381.648	352.406.939.626
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	307.649.442.542	314.949.557.714
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.4	55.835.939.106	37.457.381.912
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.675.917.578.145	7.212.068.108.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.342.007.407.549	3.791.435.252.422
310	I. Nợ ngắn hạn		3.330.143.921.964	3.123.845.800.310
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	680.194.541.865	935.197.627.223
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		78.512.475.310	72.690.700.486
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	85.402.256.229	31.721.003.585
314	4. Phải trả người lao động		80.298.548.031	110.438.600.929
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	353.756.583.738	242.545.299.023
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	29.956.387.141	15.177.865.660
320	7. Vay ngắn hạn	18	2.020.343.163.220	1.714.394.736.974
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27	1.679.966.430	1.679.966.430
330	II. Nợ dài hạn		1.011.863.485.585	667.589.452.112
338	1. Vay dài hạn	18	1.011.863.485.585	667.589.452.112
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.333.910.170.596	3.420.632.856.097
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	3.333.910.170.596	3.420.632.856.097
411	1. Vốn cổ phần		618.044.720.000	618.044.720.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		618.044.720.000	618.044.720.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		849.979.583.600	849.979.583.600
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.150.000.000	5.150.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.860.735.866.996	1.947.458.552.497
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.638.436.192.497	1.074.772.755.281
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		222.299.674.499	872.685.797.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.675.917.578.145	7.212.068.108.519


Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng

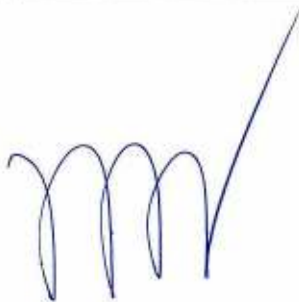
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

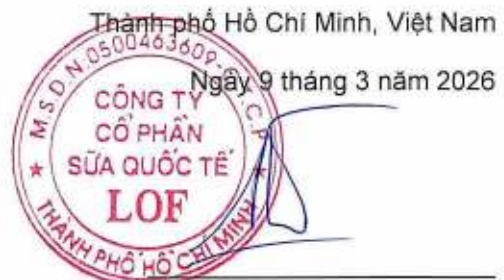
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	7.535.838.806.330	7.774.453.292.729
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(125.310.144.983)	(116.302.989.201)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	7.410.528.661.347	7.658.150.303.528
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(4.707.686.128.387)	(4.533.184.733.920)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		2.702.842.532.960	3.124.965.569.608
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	171.402.013.849	176.006.116.075
22	7. Chi phí tài chính	23	(150.972.792.850)	(66.365.247.853)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(126.237.215.466)</i>	<i>(47.181.459.289)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	22	(2.142.902.717.006)	(1.884.222.635.814)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(321.718.728.499)	(248.795.826.172)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		258.650.308.454	1.101.587.975.844
31	11. Thu nhập khác	24	60.013.584.914	5.858.032.722
32	12. Chi phí khác	24	(32.174.421.959)	(2.532.203.531)
40	13. Lợi nhuận khác	24	27.839.162.955	3.325.829.191
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		286.489.471.409	1.104.913.805.035
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(82.568.354.104)	(203.221.135.206)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.4	18.378.557.194	(29.006.872.613)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		222.299.674.499	872.685.797.216



Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026



Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

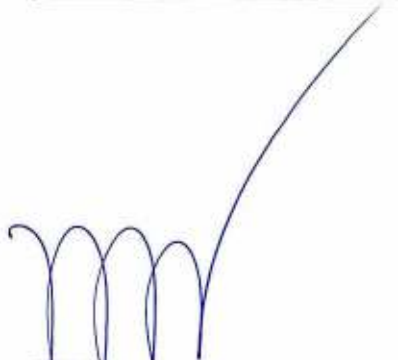
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		286.489.471.409	1.104.913.805.035
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	316.171.723.532	193.857.827.326
03	Dự phòng		46.997.935.234	123.181.294
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.317.091.062)	(469.347.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(153.320.758.526)	(145.966.022.335)
06	Chi phí lãi vay	23	126.237.215.466	47.181.459.289
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		621.258.496.053	1.199.640.903.109
09	Tăng các khoản phải thu		(171.393.634.206)	(7.576.167.648)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		72.257.163.979	(207.200.288.237)
11	Giảm các khoản phải trả		(68.211.860.430)	(109.574.619.759)
12	Giảm chi phí trả trước		6.432.998.964	7.923.635.189
14	Tiền lãi vay đã trả		(114.090.645.911)	(43.428.024.821)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.266.780.924)	(350.805.835.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		326.985.737.525	488.979.602.329
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.129.557.694.269)	(987.808.827.789)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		179.210.788.079	2.171.207.042
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(1.766.424.238.928)	(1.750.769.690.062)
24	Tắt toán tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		2.264.038.257.165	1.671.776.748.235
25	Tiền chi đầu tư góp vốn công ty con		(538.631.880.000)	(606.875.550.000)
27	Lãi tiền gửi		126.114.767.870	143.292.996.165
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(865.250.000.083)	(1.528.213.116.409)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ vốn góp	19.1	-	4.540.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	4.052.926.028.728	4.292.550.405.961
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(3.402.703.569.009)	(2.686.784.537.439)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(309.022.360.000)	(521.479.012.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		341.200.099.719	1.088.826.856.522

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(197.064.162.839)	49.593.342.442
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		262.018.642.456	211.781.081.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(444.165.035)	644.218.465
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	64.510.314.582	262.018.642.456


Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2026



Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0500463609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 24 tháng 11 năm 2014, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua Trụ sở chính đăng ký tại Lô số C-13A-CN, Đường N16, Khu công nghiệp Bàu Bàng Mở rộng, Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ("Trụ sở chính") và ba (3) chi nhánh tại Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; Xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội và Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.048 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.623 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 5, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 9 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 – 31 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 17 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 6 năm
Phần mềm máy tính	3 – 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh các sản phẩm sữa và các sản phẩm từ sữa. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	233.185.175	233.185.175
Tiền gửi ngân hàng	54.277.129.407	222.881.303.856
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	10.000.000.000	38.904.153.425
TỔNG CỘNG	64.510.314.582	262.018.642.456

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 4,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,2%/năm đến 4,4%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng (i)	1.594.186.895.717	1.594.186.895.717	1.581.800.913.954	1.581.800.913.954
Dài hạn	1.345.507.430.000	1.345.507.430.000	806.875.550.000	806.875.550.000
Đầu tư vào các công ty con (ii)	1.145.507.430.000	1.145.507.430.000	606.875.550.000	606.875.550.000
Trái phiếu (iii)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.939.694.325.717	2.939.694.325.717	2.388.676.463.954	2.388.676.463.954

(i) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,2%/năm đến 8,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ 4,6%/năm đến 6,2%/năm).

Trong đó, khoản tiền gửi giá trị 845 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 18).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết đầu tư vào công ty con của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc biểu quyết (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền (%)	Giá gốc biểu quyết (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền (%)
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam (*)	600.000.000.000	100	600.000.000.000	100
Công ty Cổ phần Redpine (**)	257.484.000.000	99,8	-	-
Công ty Cổ phần Hồ Toán (***)	249.600.000.000	51,06	-	-
PT Produk Susu Internasional (****)	38.423.430.000	99,9	6.875.550.000	99,9
TỔNG CỘNG	1.145.507.430.000		606.875.550.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

- (*) Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam ("Lof Hà Nam") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700883431, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam (nay là Sở Tài chính Ninh Bình) cấp vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động kinh doanh chính của Lof Hà Nam là chế biến và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.
- (**) Vào ngày 23 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 011.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị đã thông qua chủ trương góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Redpine ("Redpine") với vốn điều lệ 258.000.000.000 VND, trong đó Công ty chiếm 99,8% vốn điều lệ của Redpine. Vào ngày 29 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn. Redpine là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0319048574, do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 7 năm 2025. Hoạt động kinh doanh chính của Redpine là hoạt động tư vấn quản lý.
- (***) Vào ngày 15 tháng 5 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 006.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phần, tương đương 34,29% vốn điều lệ, từ cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Hồ Toản ("Hồ Toản") với tổng giá trị 144.000.000.000 VND. Vào ngày 28 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 012.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị thông qua việc mua 7.200.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu 25,53% vốn điều lệ do Hồ Toản chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá trị 115.200.000.000 VND, vào ngày 1 tháng 10 năm 2025 Công ty đã hoàn thành các giao dịch nói trên. Qua đó, Hồ Toản đã trở thành công ty con của Công ty.

Hồ Toản là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5000824408, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang (nay là Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang) cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động kinh doanh chính của Hồ Toản là chăn nuôi bò sữa, chế biến, kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.
- (****) Công ty PT Produk SuSu Internasional ("Susu") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Công ty Indonesia, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0076889.AH.01.11 năm 2024, do Bộ trưởng Bộ Luật và Nhân quyền Cộng Hòa Indonesia cấp ngày 22 tháng 4 năm 2024, với vốn điều lệ là 22.260.014.780 Rp (tương đương 38 tỷ VND), và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 202501238 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Tài chính Việt Nam) cấp ngày 14 tháng 2 năm 2024. Hoạt động kinh doanh chính của Susu là bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa.
- (iii) Số dư này thể hiện khoản trái phiếu dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành có kỳ hạn gốc là 7 năm và mức lãi suất được hưởng bằng mức lãi suất tham chiếu cộng 1,00%/năm và đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	138.375.042.876	157.783.034.564
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	34.617.835.950	50.172.620.190
- Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam	24.831.131.719	-
- Các khách hàng khác	78.926.075.207	107.610.414.374
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.767.727.252	-
TỔNG CỘNG	143.142.770.128	157.783.034.564
Dự phòng phải thu khó đòi	(828.250.000)	(828.250.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	142.314.520.128	156.954.784.564

Chi tiết tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	828.250.000	1.628.250.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(800.000.000)
Số cuối năm	828.250.000	828.250.000

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	507.070.208.864	99.102.637.373
- Shanghai Joy Light Industry Machine Compnay Limited	312.578.401.563	-
- Các nhà cung cấp khác	194.491.807.301	99.102.637.373
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	18.034.392.210	-
TỔNG CỘNG	525.104.601.074	99.102.637.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Phúc Đạt (i)	240.000.000.000	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư LTM (ii)	100.000.000.000	350.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>340.000.000.000</u>	<u>850.000.000.000</u>

- (i) Số dư này thể hiện các khoản cho Công ty Cổ phần Bất động sản Phúc Đạt vay tín chấp ngắn hạn với kỳ hạn còn lại là không quá 12 tháng, đáo hạn ngày 30 tháng 9 năm 2026 và hưởng mức lãi suất là 7,0%/năm.
- (ii) Số dư này thể hiện các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư LTM vay tín chấp ngắn hạn với kỳ hạn còn lại là không quá 12 tháng, đáo hạn ngày 11 tháng 4 năm 2026 và hưởng mức lãi suất là 7,0%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	183.318.560.802	74.418.596.539
Chiết khấu mua hàng	130.892.115.130	17.979.203.816
Lãi tiền gửi, lãi cho vay dự thu	43.705.714.871	43.266.362.662
Tạm ứng nhân viên	4.592.102.115	12.841.735.521
Khác	4.128.628.686	331.294.540
Dài hạn	4.278.398.655	8.850.858.041
Đặt cọc	4.278.398.655	8.850.858.041
TỔNG CỘNG	<u>187.596.959.457</u>	<u>83.269.454.580</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	246.293.487.808	(49.492.592.321)	268.440.453.870	(2.494.657.087)
Thành phẩm	194.028.000.300	-	185.584.892.351	-
Hàng mua đang đi đường	40.929.027.887	-	93.955.574.826	-
Công cụ, dụng cụ	70.760.642.854	-	70.040.707.886	-
Hàng hóa	19.842.860.067	-	25.486.311.333	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	-	-	603.242.629	-
TỔNG CỘNG	571.854.018.916	(49.492.592.321)	644.111.182.895	(2.494.657.087)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.494.657.087	1.571.475.793
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	46.997.935.234	923.181.294
Số cuối năm	49.492.592.321	2.494.657.087

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	223.494.555.558	1.612.250.030.553	17.816.634.394	51.845.301.819	558.990.156	1.905.965.512.480
Mua mới	21.046.188.130	22.626.939.000	-	17.069.654.776	-	60.742.781.906
Kết chuyển từ xây dựng dở dang	297.391.387.431	1.518.566.726.240	9.930.579.564	5.905.529.629	-	1.831.794.222.864
Thanh lý	(29.291.009.482)	(384.899.570.242)	(2.518.253.705)	(23.925.792.672)	(330.155.000)	(440.964.781.101)
Số cuối năm	512.641.121.637	2.768.544.125.551	25.228.960.253	50.894.693.552	228.835.156	3.357.537.736.149
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	37.590.683.438	348.283.145.040	1.005.245.455	19.047.281.114	228.835.156	406.155.190.203
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	125.313.699.581	890.175.606.143	5.709.874.970	34.146.587.191	558.990.156	1.055.904.758.041
Khấu hao trong năm	34.587.876.127	270.759.547.523	2.927.815.080	6.266.315.202	-	314.541.553.932
Thanh lý	(8.201.488.019)	(272.475.168.908)	(1.707.597.829)	(5.806.221.713)	(330.155.000)	(288.520.631.469)
Số cuối năm	151.700.087.689	888.459.984.758	6.930.092.221	34.606.680.680	228.835.156	1.081.925.680.504
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	98.180.855.977	722.074.424.410	12.106.759.424	17.698.714.628	-	850.060.754.439
Số cuối năm	360.941.033.948	1.880.084.140.793	18.298.868.032	16.288.012.872	-	2.275.612.055.645

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần nhà xưởng, vật kiến trúc máy móc và thiết bị được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	22.517.498.145
Mua mới	<u>120.000.000</u>
Số cuối năm	<u>22.637.498.145</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	17.503.420.762
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	19.614.062.952
Hao mòn trong năm	<u>1.630.169.600</u>
Số cuối năm	<u>21.244.232.552</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>2.903.435.193</u>
Số cuối năm	<u>1.393.265.593</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Nhà máy Sữa Quốc tế Lof – Bình Dương (*)	65.665.104.584	1.338.058.089.686
Khác	<u>14.152.581.230</u>	<u>8.869.839.026</u>
TỔNG CỘNG	<u>79.817.685.814</u>	<u>1.346.927.928.712</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, toàn bộ máy móc, thiết bị và nhà máy đang xây dựng được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại trình bày tại Thuyết minh số 18.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 5.670.454.964 VND (2024: là 4.836.142.736 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.250.190.346	5.383.074.138
Chi phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	3.044.276.147	2.564.057.058
Khác	3.205.914.199	2.819.017.080
Dài hạn	307.649.442.542	314.949.557.714
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	253.938.295.305	260.144.526.563
Chi phí thuê đất khác	49.465.264.124	50.469.801.447
Chi phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	1.028.234.713	3.366.806.611
Khác	3.217.648.400	968.423.093
TỔNG CỘNG	313.899.632.888	320.332.631.852

(*) Đây là khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng đã ký với Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp – CTCP (BECAMEX IDC CORP.) vào ngày 8 tháng 6 năm 2021 với diện tích 120.000 m² và thời hạn thuê đến ngày 26 tháng 4 năm 2066. Toàn bộ chi phí thuê đất này đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thành Thành Công	47.066.880.716	40.840.369.500
Công ty TNHH Lami Packaging (Hong Kong)	45.495.673.030	17.847.194.867
Công ty SIG Combibloc	31.158.482.569	40.399.794.444
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	23.725.363.358	46.477.548.330
Công ty TNHH Bình Hạnh Đan	21.888.073.255	29.400.193.255
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	20.058.024.337	20.763.359.782
Khác	490.802.044.600	739.469.167.045
TỔNG CỘNG	680.194.541.865	935.197.627.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	169.062.613.543	931.443.162.510	(873.946.584.896)	226.559.191.157
Thuế nhập khẩu	3.684.854.133	42.478.761	(2.509.672.505)	1.217.660.389
TỔNG CỘNG	172.747.467.676	931.485.641.271	(876.456.257.401)	227.776.851.546
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.465.327.900	82.568.354.104	(19.266.780.924)	74.766.901.080
Thuế giá trị gia tăng	12.640.449.016	1.175.002.629.971	(1.179.636.559.412)	8.006.519.575
Thuế thu nhập cá nhân	7.615.226.669	67.296.187.046	(72.282.578.141)	2.628.835.574
Thuế nhập khẩu	-	13.617.643.064	(13.617.643.064)	-
Khác	-	12.300.850.082	(12.300.850.082)	-
TỔNG CỘNG	31.721.003.585	1.350.785.664.267	(1.297.104.411.623)	85.402.256.229

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bán hàng	240.427.773.701	225.856.406.090
Chi phí tiếp thị	50.547.267.895	4.803.945.498
Chi phí lãi vay	16.304.920.767	4.158.351.212
Chi phí thưởng nhân viên	30.788.654.201	-
Chi phí khác	15.687.967.174	7.726.596.223
TỔNG CỘNG	353.756.583.738	242.545.299.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	342.743.619.355	240.026.833.269
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	11.012.964.383	2.518.465.754

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược	10.795.301.317	10.581.866.600
Bảo hiểm bắt buộc và kinh phí công đoàn	3.134.753.152	3.860.248.824
Khác	4.506.332.672	735.750.236
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.520.000.000	-
TỔNG CỘNG	29.956.387.141	15.177.865.660

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm	Đi vay	Trả nợ gốc vay	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Ngắn hạn	1.714.394.736.974	3.534.920.038.155	(3.378.971.611.909)	150.000.000.000	2.020.343.163.220
Vay ngân hàng	1.426.394.736.974	3.534.920.038.155	(3.358.971.611.909)	-	1.602.343.163.220
Vay bên liên quan	268.000.000.000	-	-	-	268.000.000.000
(Thuyết minh số 27)					
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	150.000.000.000	150.000.000.000
Dài hạn					
Vay ngân hàng	667.589.452.112	518.005.990.573	(23.731.957.100)	(150.000.000.000)	1.011.863.485.585
TỔNG CỘNG	2.381.984.189.086	4.052.926.028.728	(3.402.703.569.009)	-	3.032.206.648.805

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay từ các ngân hàng thương mại được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> (VND)	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i> (%/năm)	<i>Hình thức đảm bảo</i> (Thuyết minh số 5, 10, 12 và 13)
<i>Ngân hạn</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	445.568.416.967	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	4,2 – 6,5	Hợp đồng tiền gửi trị giá 210 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	384.827.233.251	Từ ngày 16 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 4 năm 2026	3,85 – 4,1	Trái phiếu trị giá 200 tỷ VND và hợp đồng tiền gửi trị giá 80 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	312.968.356.111	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2026 đến ngày 2 tháng 3 năm 2026	4,4 – 5,5	Dây chuyền chiết rót sữa Tetra Pak A3 Speed V500 có giá trị còn lại 18,7 tỷ VND. Hợp đồng tiền gửi trị giá 170 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	249.175.105.321	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2026 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026	4,3 – 4,4	Hợp đồng tiền gửi trị giá 125 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	209.804.051.570	Từ ngày 23 tháng 2 năm 2026 đến ngày 17 tháng 4 năm 2026	4,3 – 6,3	Hợp đồng tiền gửi trị giá 125 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và hợp đồng tiền gửi trị giá 135 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
<i>Dài hạn</i>	<u>1.602.343.163.220</u>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	<u>1.161.863.485.585</u>	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 29 tháng 5 năm 2030	6,1	Toàn bộ tài sản hiện tại và sẽ được hình thành trong tương lai từ Dự án Nhà máy Sữa Quốc tế Lof – Bình Dương và 120.000 m ² đất thuê tại Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>150.000.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.011.863.485.585</i>			

Công ty Cổ phần Sửa Quốc tế Lof

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước:					
Số đầu năm	613.504.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.596.251.767.281	3.064.886.070.881
Tăng vốn	4.540.000.000	-	-	-	4.540.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	872.685.797.216	872.685.797.216
Chia cổ tức	-	-	-	(521.479.012.000)	(521.479.012.000)
Số cuối năm	618.044.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.947.458.552.497	3.420.632.856.097
Năm nay:					
Số đầu năm	618.044.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.947.458.552.497	3.420.632.856.097
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	222.299.674.499	222.299.674.499
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(309.022.360.000)	(309.022.360.000)
Số cuối năm	618.044.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.860.735.866.996	3.333.910.170.596

(*) Vào ngày 13 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức cho năm tài chính 2024 bằng tiền mặt với giá trị 50% trên mệnh giá theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2024/NQ-HĐQT.IDP phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ.IDP ngày 15 tháng 3 năm 2024 và được phê duyệt chính thức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2025/NQ-HĐCĐ.LOF ngày 28 tháng 3 năm 2025 ("Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025"). Vào ngày 20 tháng 1 năm 2025, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này.

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tỷ lệ phân phối, thời điểm, phương thức thanh toán và các vấn đề, thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2024. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% trên mệnh giá theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 001/2025/NQ-HĐQT.LOF ngày 5 tháng 1 năm 2026. Vào ngày 28 tháng 1 năm 2026, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	618.044.720.000	613.504.720.000
Cổ phần phát hành trong năm	-	4.540.000.000
Số cuối năm	<u>618.044.720.000</u>	<u>618.044.720.000</u>
Cổ tức công bố		
Cổ tức bằng tiền đã công bố cho năm 2024: 5.000 VND/cổ phiếu (Cổ tức bằng tiền đã công bố cho năm 2023: 8.500 VND/cổ phiếu)	309.022.360.000	521.479.012.000
Cổ tức đã trả trong năm	309.022.360.000	521.479.012.000

19.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu phổ thông</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	61.804.472	61.804.472
Cổ phiếu đã phát hành	61.804.472	61.804.472
Cổ phiếu đang lưu hành	61.804.472	61.804.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000/ cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: VND 10.000/ cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	7.535.838.806.330	7.774.453.292.729
Doanh thu bán thành phẩm	7.453.753.376.467	7.697.254.841.642
Doanh thu bán hàng hóa	82.085.429.863	77.198.451.087
Các khoản giảm trừ doanh thu	(125.310.144.983)	(116.302.989.201)
Chiết khấu thương mại	(120.970.203.402)	(116.302.989.201)
Hàng bán bị trả lại	(4.339.941.581)	-
Doanh thu thuần	<u>7.410.528.661.347</u>	<u>7.658.150.303.528</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu dự thu	126.554.120.079	145.241.567.789
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.386.345.973	21.797.596.894
Chiết khấu thanh toán	19.461.547.797	8.966.951.392
TỔNG CỘNG	<u>171.402.013.849</u>	<u>176.006.116.075</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán thành phẩm	4.655.624.419.525	4.511.261.975.528
Giá vốn hàng bán hàng hóa	52.061.708.862	21.922.758.392
TỔNG CỘNG	<u>4.707.686.128.387</u>	<u>4.533.184.733.920</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.142.902.717.006	1.884.222.635.814
Chi phí tiếp thị và hỗ trợ bán hàng	1.414.538.717.069	1.286.809.823.430
Chi phí nhân viên	456.079.644.371	359.774.158.680
Chi phí vận chuyển	212.525.591.184	210.715.571.279
Khấu hao	3.311.513.592	176.798.884
Chi phí khác	56.447.250.790	26.746.283.541
Chi phí quản lý doanh nghiệp	321.718.728.499	248.795.826.172
Chi phí nhân viên	178.417.948.678	172.192.220.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.439.287.019	29.414.268.278
Khấu hao	6.835.642.633	3.703.197.926
Chi phí khác	63.025.850.169	43.486.139.353
TỔNG CỘNG	<u>2.464.621.445.505</u>	<u>2.133.018.461.986</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	126.237.215.466	47.181.459.289
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.150.804.178	18.032.112.235
Khác	1.584.773.206	1.151.676.329
TỔNG CỘNG	<u>150.972.792.850</u>	<u>66.365.247.853</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	60.013.584.914	5.858.032.722
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	53.575.674.844	4.907.436.056
Khác	6.437.910.070	950.596.666
Chi phí khác	(32.174.421.959)	(2.532.203.531)
Thanh lý nguyên vật liệu	(26.992.452.043)	-
Phạt vi phạm hành chính	(4.640.124.620)	(2.404.539.039)
Khác	(541.845.296)	(127.664.492)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>27.839.162.955</u>	<u>3.325.829.191</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	4.764.611.767.380	4.233.165.756.270
Chi phí quảng cáo	940.278.413.007	939.484.741.030
Chi phí nhân viên	745.213.327.216	620.709.076.964
Chi phí hỗ trợ bán hàng	474.260.304.062	347.325.082.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.716.691.822	304.083.858.627
Chi phí vận chuyển	212.525.591.184	210.715.571.279
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	316.171.723.532	193.857.827.326
Chi phí bằng tiền khác	16.448.570.428	18.459.712.924
TỔNG CỘNG	<u>7.930.226.388.631</u>	<u>6.867.801.626.820</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	81.071.139.187	196.482.265.974
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>1.497.214.917</u>	<u>6.738.869.232</u>
	82.568.354.104	203.221.135.206
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(18.378.557.194)</u>	<u>29.006.872.613</u>
TỔNG CỘNG	<u>64.189.796.910</u>	<u>232.228.007.819</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	286.489.471.409	1.104.913.805.035
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng 20%	57.297.894.282	220.982.761.007
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	5.394.687.711	4.584.635.376
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.497.214.917	6.738.869.232
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại năm trước	-	(458.050.410)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	379.792.614
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.189.796.910	232.228.007.819

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025
2022	2027	191.738.211	-	-	191.738.211
2023	2028	4.542.027.339	-	-	4.542.027.339
2024	2029	12.223.330.669	-	-	12.223.330.669
2025 (i)	2030	11.362.646.902	-	-	11.362.646.902
TỔNG CỘNG		28.319.743.121	-	-	28.319.743.121

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

26.4 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí trích trước	33.394.834.240	27.750.039.250	5.644.794.990	(37.205.774.803)
Lỗi tính thuế	6.096.514.741	5.013.324.580	1.083.190.161	5.013.324.580
Chi phí lãi vay	5.663.948.624	3.391.419.244	2.272.529.380	2.577.066.544
Lỗi tỷ giá	-	-	-	(379.792.613)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.898.518.463	498.931.417	9.399.587.046	184.636.258
Khác	782.123.038	803.667.421	(21.544.383)	803.667.421
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	55.835.939.106	37.457.381.912		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng			18.378.557.194	(29.006.872.613)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Blue Point	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt	Cổ đông lớn
Daytona Investment PTE Limited	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Công ty con
PT Produk Susu Internasional	Công ty con
Công ty Cổ phần Redpine	Công ty con
Công ty Cổ phần Hồ Toàn	Công ty con (từ ngày 1 tháng 10 năm 2025)
Ông Tô Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đoàn Hữu Nguyên	Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 8 năm 2025)
Ông Bùi Hoàng Sang	Thành viên HĐQT
	Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 8 năm 2025)
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 23 tháng 10 năm 2025)
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên HĐQT (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thu Trang	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Ngọc Triều Dương	Thành viên HĐQT
Bà Tôn Minh Phương	Trưởng ban kiểm soát
Bà Mai Thị Thanh Trang	Thành viên ban kiểm soát
Bà Chu Hải Yến	Thành viên ban kiểm soát
Ông Phan Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 2 năm 2026)
	Kế toán trưởng

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Redpine	Góp vốn	257.484.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hồ Toàn	Góp vốn	103.680.000.000	-	-
	Tạm ứng mua hàng	18.034.392.210	-	-
	Cổ tức	9.600.000.000	-	-
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Góp vốn	-	600.000.000.000	-
	Vay	-	495.000.000.000	-
	Trả gốc vay	-	227.000.000.000	-
	Lãi vay	11.012.964.383	4.407.602.740	-
PT Produk Susu International	Góp vốn	31.547.880.000	6.875.550.000	-
	Bán hàng	4.767.727.252	-	-
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	1.250.000.000	-
Bà Chu Hải Yến	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	150.000.000	-
Ông Phan Văn Thắng	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	170.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu, phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
PT Produk Susu International	Bán hàng	<u>4.767.727.252</u>		-
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Hồ Toán	Mua hàng	<u>18.034.392.210</u>		-
<i>Vay ngắn hạn (*)</i>				
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Vay ngắn hạn	<u>268.000.000.000</u>	<u>268.000.000.000</u>	
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Chi phí lãi vay	<u>11.012.964.383</u>	<u>2.518.465.754</u>	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Hồ Toán	Góp vốn	<u>11.520.000.000</u>		-

(*) Số dư này thể hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam với kỳ hạn còn lại là không quá 12 tháng, đáo hạn vào ngày 16 tháng 2 năm 2026 và chịu mức lãi suất là 4,5%/năm.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Bùi Hoàng Sang	10.389.410.514	25.077.610.547
Ông Đoàn Hữu Nguyên	2.853.354.681	-
Bà Chu Hải Yến	2.405.527.833	3.468.216.000
Bà Đặng Phạm Minh Loan	-	1.571.626.500
Ông Phạm Trọng Bảo Châu	-	322.311.000
TỔNG CỘNG	<u>15.648.293.028</u>	<u>30.439.764.047</u>
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>1.679.966.430</u>	<u>1.679.966.430</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

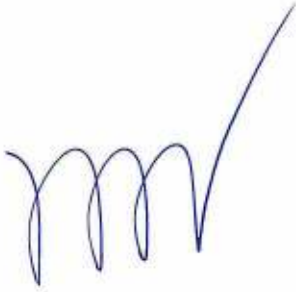
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	10.676.557.588	12.798.302.119
Trên 1 – 5 năm	12.191.220.698	11.121.352.388
Trên 5 năm	29.932.971.212	34.435.596.570
TỔNG CỘNG	<u>52.800.749.498</u>	<u>58.355.251.077</u>

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	371.512	1.676.839

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 19.1, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026


Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc